TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST.
Ngày: 06-01-2020.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

2. Bà Huỳnh Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản)*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1105/2019/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1182/2019/QĐST-KDTM ngày 13/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Số 40, đường P, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phi H; Chức vụ: Phó Phòng khách hàng cá nhân (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2019), vắng mặt.

Địa chỉ nơi làm việc: Số 1, đường 30/4, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Vĩnh Long).

Bị đơn: Ông Phạm Tấn Đ, sinh năm 1982 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1984; cùng nơi cư trú: Số nhà 53, đường Đ, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2019, Ngân hàng TMCP trình bày: Ngày 30/6/2016, ông Phạm Tấn Đ và bà Huỳnh Thị N có ký Hợp đồng tín dụng số: 268/16/HĐHM/1700-2958 vay vốn của Ngân hàng TMCP K số tiền 220.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên ông Đ và bà N đã vi phạm hợp đồng trả nợ không đúng theo thỏa thuận đã ký. Tính đến ngày 06/01/2020, ông Đ, bà N còn nợ Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 340.453.961 đồng, trong đó nợ tiền gốc 220.000.000 đồng; nợ tiền lãi trong hạn 18.318.300 đồng; nợ tiền lãi quá hạn 92.598.000 đồng và phạt chậm trả lãi 9.537.661 đồng.

Việc vay nợ ông Đ, bà N có thế chấp tài sản, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 738378, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 15/11/2010; đất tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Hợp đồng thế chấp số: 0645/HĐTC ngày 11/12/2012 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số: 0645/HĐTC-1 ngày 30/6/2016).

Bị đơn ông Phạm Tấn Đ và bà Huỳnh Thị N, khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo cho ông, bà nhưng ông, bà không có ý kiến, Tòa án tiến hành mời hòa giải ông Đ đến tham dự, bà N không đến tham gia (không hợp tác), Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho ông, bà theo quy định nhưng ông, bà cũng không đến tham dự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K, vì việc vay tiền của ông Phạm Tấn Đ và bà Huỳnh Thị N là có thật, các bị đơn đã vi phạm hợp đồng, nên Ngân hàng kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ, đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Tấn Đ và bà Huỳnh Thị N là vợ chồng, có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thành phố V. Ông Đ, bà N có vay vốn của Ngân hàng TMCP K số tiền 220.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ, bà N đã vi phạm hợp đồng, trả nợ không đúng theo thỏa thuận đã ký, nên Ngân hàng kiện yêu cầu ông Đ, bà N có trách nhiệm trả nợ đã vay cùng tiền lãi phát sinh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, được xác định là "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng (vay tài sản)*". Đồng thời, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2

nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Giao dịch giữa Ngân hàng TMCP K và ông Đ, bà N được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định "*Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này*", do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ kiện nêu trên là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 268/16/HĐHM/1700-2958, ngày 30/6/2016 (do Ngân hàng cung cấp), thể hiện ông Phạm Tấn Đ và bà Huỳnh Thị N có ký Hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP K số tiền 220.000.000 đồng, việc ký kết hợp đồng Ngân hàng thực hiện cho vay là đúng theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 của Luật tổ chức tín dụng. Để đảm bảo cho việc vay nợ ông Đ, bà N đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 645/HĐTC ngày 11/12/2012 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số: 0645/HĐTC-1 ngày 30/6/2016, tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 738378, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 15/11/2010; tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Theo chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ, bà N đã vi phạm việc trả nợ vay không đúng theo thỏa thuận của hợp đồng. Tính đến ngày 06/01/2020 ông Đ, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 340.453.961 đồng, trong đó nợ tiền gốc 220.000.000 đồng; nợ tiền lãi trong hạn 18.318.300 đồng; nợ tiền lãi quá hạn 92.598.000 đồng và phạt chậm trả lãi 9.537.661 đồng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP K kiện yêu cầu ông Đ, bà N trả số nợ nêu trên (gồm nợ gốc, nợ lãi) là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 463; 464; 465; 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu ông Đ, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận. Do đó, Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu ông Đ, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 738378, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 15/11/2010; tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh

Long (Hợp đồng thế chấp tài sản số: 645/HĐTC ngày 11/12/2012 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số: 0645/HĐTC1 ngày 30/6/2016) mà các bên đã ký.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn và xét thấy cần thiết phải xem xét, thẩm định tại chỗ, nên Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền chi phí là 1.000.000 đồng, Ngân hàng đã tạm nộp trước và đã chi cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ xong, nên áp dụng Điều 155, khoản 1 Điều 156; khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Đ, bà N nộp lại số tiền 1.000.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng, vì yêu cầu của nguyên đơn là đúng và được Tòa án chấp nhận.

[5] Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có ý kiến rằng, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt những quy định của pháp luật về tố tụng, vụ án được xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 155, khoản 1 Điều 156; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các 463; 464; 465; 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 91, 95 và 98 của Luật Tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Phạm Tấn Đ và bà Huỳnh Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K các khoản tiền nợ (Theo Hợp đồng tín dụng số: 268/16/HĐHM/1700-2958, ngày 30/6/2016) như sau:

- Tiền nợ gốc 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai chục triệu đồng*).

- Tiền lãi (trong hạn, quá hạn, phạt lãi) 120.453.961 đồng (*Một trăm hai mươi triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn chín trăm sáu mươi một đồng).*

Tổng cộng 340.453.961 đồng (*Ba trăm bốn chục triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn chín trăm sáu mươi một đồng*)

2. Kể từ ngày 07/01/2020 ông Đ, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc của hợp đồng số: 268/16/HĐHM/1700-2958, ngày 30/6/2016.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K, thì lãi suất mà ông Đ, bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP K.

3. Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu ông Đ, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 738378, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 15/11/2010; tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Hợp đồng thế chấp tài sản số: 645/HĐTC ngày 11/12/2012 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số: 0645/HĐTC-1 ngày 30/6/2016).

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc ông Phạm Tấn Đ và bà Huỳnh Thị N phải nộp là 17.022.600 đồng (*Mười bảy triệu không trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm đồng),* tiền án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.009.000 đồng *(Tám triệu không trăm lẻ chín ngàn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0004774 ngày 12/8/2019 được hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K.

- Buộc ông Phạm Tấn Đ và bà Huỳnh Thị N phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, số tiền này được trả lại cho Ngân hàng TMCP K.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.